

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VICION**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ VICION

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VICION TECHNOLOGY SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VICION., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110072173

**3. Ngày thành lập:** 26/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số phòng 703, tầng 7 tòa nhà IDMC, số 21 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0818393123

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4651     |
| 2.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4652     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4659     |
| 4.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ; Không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                                                                                                                                                     | 8230     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                            | 8299     |
| 6.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6201     |
| 7.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6202     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.<br>- Hoạt động công nghiệp phần cứng<br>- Hoạt động công nghiệp phần mềm<br>- Hoạt động công nghiệp nội dung | 6209     |
| 9.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6311     |
| 10. | Cổng thông tin<br>(Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động thông tấn, báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6312     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ hỗ trợ hiển thị thông tin sản phẩm, thông tin doanh nghiệp<br>- Cung cấp thông tin sản phẩm, thông tin doanh nghiệp<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí<br>(Trừ hoạt động điều tra) | 6399        |
| 12. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)                                                                                                                                                                                                                              | 7020        |
| 13. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                                         | 7212        |
| 14. | Quảng cáo<br>(trừ quảng cáo bị Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                      | 7310        |
| 15. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                                                                                                                                                             | 7320        |
| 16. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn về công nghệ                                                                                                                                                                                          | 7490        |
| 17. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                | 4791        |
| 18. | Xuất bản phần mềm<br>Chi tiết: Sản xuất và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phần mềm.<br>Loại trừ: Hoạt động xuất bản phẩm                                                                                                                                                                          | 5820(Chính) |
| 19. | Hoạt động viễn thông khác                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6190        |
| 20. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                            | 4741        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                  | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRỊNH ANH<br>TÚ | Số 8/49 Nguyễn<br>Đức Cảnh,<br>Phường An Biên,<br>Quận Lê Chân,<br>Thành phố Hải<br>Phòng, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 167.000       | 1.670.000.000            | 33,400       | 0190920000<br>95                                                                                                       |            |
|     |                 |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                     | Tổng số                            | 167.000       | 1.670.000.000            | 33,400       |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN THU<br>HÀ  | Tổ 12, Phường<br>Phúc La, Quận Hà<br>Đông, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 166.500       | 1.665.000.000            | 33,300       | 0121920000<br>26                                                                                                       |            |
|     |                 |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                     | Tổng số                            | 166.500       | 1.665.000.000            | 33,300       |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                                                          |                           |         |               |        |           |
|---|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|-----------|
| 3 | PHẠM ANH QUANG | Số 103 đường Trần Bình Trọng, tổ 27, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 166.500 | 1.665.000.000 | 33,300 | 151571217 |
|   |                |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                |                                                                                                          | Tổng số                   | 166.500 | 1.665.000.000 | 33,300 |           |
|   |                |                                                                                                          |                           |         |               |        |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRỊNH ANH TÚ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/09/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019092000095

Ngày cấp: 28/05/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 8/49 Nguyễn Đức Cảnh, Phường An Biên, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 8/49 Nguyễn Đức Cảnh, Phường An Biên, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội